

Số: 5403/QĐ-UBND

Biên Hòa, ngày 15 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách năm 2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 105/NQ-HĐND ngày 31/8/2020 của HĐND thành phố Biên Hòa về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách Nhà nước năm 2020 (lần 2);

Xét đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 47/TTr-TCKH ngày 15/9/2020 về việc giao điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2020.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2020 cho Phòng Y tế thành phố Biên Hòa (phân bổ nội dung cụ thể theo phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Trưởng Phòng Y tế thành phố Biên Hòa có trách nhiệm tổ chức điều hành và thực hiện dự toán chi ngân sách nhà nước được giao theo đúng các quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố Biên Hòa, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng Phòng Y tế thành phố Biên Hòa chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký và Kho Bạc Nhà nước tỉnh Đồng Nai phối hợp thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- TT.Thành ủy BH;
- TT.HĐND TPBH;
- CT, các PCT/UBND TP;
- Chánh, Phó VP.HĐND-UBND TP;
- Lưu VT, TH (Khiêm).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Phạm Anh Dũng**

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 5403 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2020 của UBND thành phố Biên Hòa)



ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

Đơn vị: PHÒNG Y TẾ

Mã số: 1013459

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí:	0
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	-25,339,406
1	Chi quản lý hành chính:	-33,839,406
1.1	Kinh phí thực hiện tự chủ	-18,435,812
1.1.1	Kinh phí hoạt động thường xuyên	-18,435,812
	- Tiết kiệm thêm 10% còn lại chi thường xuyên trong năm theo Nghị Quyết số 84/NQ-CP	-18,435,812
1.2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	-15,403,594
1.2.1	Kinh phí khám nghĩa vụ quân sự	-10,903,594
	- Tiết kiệm thêm 10% còn lại chi thường xuyên trong năm theo Nghị Quyết số 84/NQ-CP	-10,903,594
1.2.2	Kinh phí hoạt động XPVPHC lĩnh vực y tế, VSATTP	-4,500,000
	- Tiết kiệm thêm 10% còn lại chi thường xuyên trong năm theo Nghị Quyết số 84/NQ-CP	-4,500,000
2	Chi các sự Nghiệp	8,500,000
2.1	Sự Nghiệp y tế	8,500,000
	- Kinh phí thực hiện dịch vụ vệ sinh bên trong và bên ngoài toàn bộ tòa nhà khu cách ly, thu gom vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt	8,500,000